Mẫu số 40-DS
NQ01/2017/NQ-HĐTP
13/01/2017

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2018/QĐST-HNGĐ

T1, ngày 21 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/ TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn S, sinh năm: 1984;

Nơi ĐKHKTT: Thôn A xã T huyện H tỉnh T B

Chỗ ở hiện nay: Xóm M, xã M, huyện T1, Lai Châu;

Bị đơn: Chị Kiều Thị L, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm M, xã M, huyện T1, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn S và chị Kiều Thị L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh Hà Văn S và chị Kiều Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Kiều Thị L có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hà Kiều B T, sinh ngày 12/8/2013 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

Anh Hà Văn S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* trên 01 tháng cho đến khi cháu Hà Kiều B T đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Kiều Thị L nếu anh Hà Văn S không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi S quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền phải thi hành.

Chị L có quyền yêu cầu anh S cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung :* Anh Hà Văn S và chị Kiều Thị L đều xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Hà Văn S và chị Kiều Thị L mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh S nhận chịu thay cả phần án phí của chị L, chị L nhất trí để anh S nộp thay số tiền án phí dân sự . Anh S phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng . Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh S phải nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Xác nhận anh Hà Văn S đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002935 ngày 07/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TA tỉnh;
- VKS huyện TU;
- THA huyện TU;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lường Xuân Thu